BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I :2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa**	Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	**Nhận biết:** - Nêu (được) nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. - Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa. **Thông hiểu:** - Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. **Vận dụng:** - Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do (từ cuộc) cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa. **Vận dụng cao:** Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là	2 (câu 1,2)	1 (câu 17)	1 (câu 29)	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			thời cơ vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.				
2	**Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930**	Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925	**Nhận biết:** - Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế... ; - Trình bày được các hoạt động tiêu biểu của phong trào yêu nước trong thời kì này: hoạt động của tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của công nhân. - Trình bày được hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 – 1925 **Thông hiểu:** - Hiểu được những chuyển biến mới về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của	3 (câu 3,4,5)	2 (câu 18,19)	1(câu 30)	1(câu 37)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Từ đó rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai. **Vận dụng:** - Phân tích được khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. - So sánh các sự kiện lịch sử. **Vận dụng cao:** - Nhận xét được tác động các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. - Nhận xét được tính chất và đặc điểm của các phong trào yêu nước của tư sản và tiểu tư sản trong thời kì này.				
		Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm	**Nhận biết:** - Trình bày được sự ra đời, chủ trương, hoạt động của các tổ chức cách mạng: Hội	3(câu 6,7,8)	2(câu 20,21)	1(câu 31)	1(câu 38)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		1930	Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng. - Trình bày được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, hội nghị thành lập Đảng. - Trình bày được nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. **Thông hiểu:** - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929: Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản. - Phân tích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. **Vận dụng:**				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Phân tích (được) nội dung của Cương lĩnh chính trị đầu tiên; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. - Phân tích được tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. - So sánh các sự kiện lịch sử. **Vận dụng cao:** - Đánh giá được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng: vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.				
3	**Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945**	Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 - 1935	**Nhận biết:** - Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và sự khủng hoảng của Pháp nói riêng tới tình hình kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam: đời	3(câu 9,10,11)	2(câu 22,23)	2(câu 32,33)	1(câu 39)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút. - Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá). (C9) - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931. - Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930); những điểm chính của Luận cương (10 - 1930): chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. **Thông hiểu:** - Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế: về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng. - Lí giải được vì sao Xô viết Nghệ – Tĩnh				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và nhận xét được những điểm mới của chính quyền Xô viết. **Vận dụng:** - Phân tích được điểm mới của phong trào cách mạng 1930 – 1931 so với phong trào dân tộc dân chủ giai đoạn 1919 – 1930. - So sánh được điểm giống và khác nhau giữa Luận cương chính trị và Cương lĩnh chính trị đầu tiên. **Vận dụng cao:** - Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam.				
		Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra	**Nhận biết:** - Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) về chính trị, kinh tế - xã hội. - Trình bày được nội dung chuyển hướng	3(câu 12,13,14)	3(câu 24,25,26)	2 (câu 34,35)	1(câu 40)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		đời	đấu tranh được đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. - Trình bày được những sự kiện chủ yếu của công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền: nội dung chủ yếu của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. - Trình bày được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần: Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945); chỉ thị của Đảng: "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phong trào phá kho thóc của Nhật, thành lập Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam, thành lập Việt Nam giải phóng quân, lập Khu giải phóng Việt Bắc… - Trình bày (được) khái quát cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Hà Nội, Huế, Sài Gòn; nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2 - 9 - 1945). **Thông hiểu** - Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách của Pháp – Nhật trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). - Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi chủ trương của Đảng trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 11/1939, tháng 5/1941. - Giải thích được nguyên nhân Đảng phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. - Hiểu được vì sao thời cơ Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được gọi là thời cơ “chín muồi” và “ngàn năm có một”. **Vận dụng:** - So sánh được chủ trương đề ra trong Hội nghị tháng 11/1939 của Ban Chấp hành				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Trung ương Đảng với giai đoạn trước. - Nhận xét được ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5/1941. - Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động tổng khởi nghĩa. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. **Vận dụng cao:** - Từ nghệ thuật "chớp thời cơ" Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, rút ra được bài học cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.				
4	**Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954**	Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/194	**Nhận biết:** - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn: bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Trình bày được những diễn biến chính	2(câu 15,16)	2(câu 27,28)	1(câu 36)	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			của công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng: chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam; đấu tranh với Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc; hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. **Thông hiểu:** - Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". - Hiểu (giải thích) được ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính. - Lí giải được nguyên nhân Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương "mềm dẻo về sách lược, cứng rắn về nguyên tắc" trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp và Trung Hoa Dân				

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			quốc. **Vận dụng:** - Phân tích được chủ trương của Đảng, Chính phủ trong công cuộc chống ngoại xâm, nội phản. - Phân tích được ý nghĩa những biện pháp chống ngoại xâm, nội phản của Đảng, Chính phủ. **Vận dụng cao:** - Rút ra được bài học cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.				
Tổng				**16**	**12**	**8**	**4**
Tỉ lệ % theo từng mức độ				**70**		**30**	

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: Việt Nam 1919 – 1930 hoặc Việt Nam 1930 – 1945 hoặc Việt Nam 1945 – 1954.

- (1**) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở ở đơn vị kiến thức: Việt Nam 1919 – 1930 hoặc Việt Nam 1930 – 1945 hoặc Việt Nam 1945 – 1954.

BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I :2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**	**1. Chủ nghĩa xã hội từ 1991 đến nay**	**Nhận biết** - Trình bày được sự phát triển của CNXH từ 1991 đến nay. - Nêu được thành tựu ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc và công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đối với sự phát triển chủ nghĩa xã hội. - Kể tên những nước theo con đường CNXH hiện nay	**3TN**	**1*TL**		
			Thông hiểu - Phân tích được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào), ở khu vực Mỹ Latinh (Cuba). - Hiểu được con đường "xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc".				

			Vận dụng - Nêu được nét chính về những thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam. - Tìm điểm tương đồng trong cải cách của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam. - Rút ra bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới ở Việt Nam.			**1*TL**	
			Vận dụng cao - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.				**1**
2	**QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á**	**1. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á**	**Nhận biết** - Nêu được quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây. - Nêu được hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa cuộc cải cách ở Xiêm.	**4TN**			

			Thông hiểu - Phân tích được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa). - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.		**1*TL**		
			Vận dụng - Lý giải trong cùng bối cảnh, Vương quốc Xiêm thực hiện thành công cải cách, trong khi Việt Nam không thành công.			**1**	
		2. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	**Nhận biết** **Thông hiểu** -Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương).	**4TN, 1TL**			

			- Chỉ ra được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trên đường thời gian. - Giải thích được sự đa dạng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. - Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.				
			Vận dụng **Vận dụng cao** - Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức. - Đánh giá được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Vận dụng được những hiểu biết về quá trình giành độc lập dân tộc và phát triển ở Đông Nam Á để giải thích về sự đa dạng của các nước Đông Nam Á hiện nay.				**1*TL**
	CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI	**1. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc**	**Nhận biết** - Biết cách sưu tầm tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến	**5TN**			

	PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	**trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1945)**	thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Nêu nguyên nhân thắng lợi của những cuộc kháng chiến thành công và kháng chiến không thành công. **Thông hiểu** **Vận dụng** - Đánh giá được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Xây dựng bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam: thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả,... - Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Xây dựng bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc kháng chiến không			**1*TL**	

			thành công (kháng chiến chống quân Triệu, kháng chiến chống Minh, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX) về: thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả,... - Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. - Rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.				
			Vận dụng cao - Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương. - Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam				**1*TL**

			và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.				
Tổng				**16**			

Lưu ý:

– Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

– Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

– Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu * cho trường hợp (hoặc).

BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I :2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI** **MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI**	***1. Khái niệm văn minh***	**Nhận biết** -Trình bày được khái niệm văn minh. **Thông hiểu** - Xác định được các di sản văn hoá và văn minh. - So sánh, phân biệt được văn hoá và văn minh.		**1TL**		
		2. Văn minh Ai Cập thời cổ đại	**Nhận biết** - Nêu được những thành tựu văn minh tiêu biểu trên các lĩnh vực: + Chữ viết + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học và	**2TN**			

			phép tính lịch, y học, kĩ thuật + Kiến trúc và điêu khắc: Kiến trúc, điêu khắc) - Trình bày được ý nghĩa của văn minh Ai Cập thời cổ đại.				
			Vận dụng - Chứng minh được sự phát triển rực rỡ của văn minh Ai Cập thời cổ đại trên các lĩnh vực: + Chữ viết + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học và phép tính lịch, y học, kĩ thuật + Kiến trúc và điêu khắc: Kiến trúc, điêu khắc)			**1TL**	
		3. Văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại	**Nhận biết** - Nêu được những thành tựu văn minh tiêu biểu của Trung Hoa thời cổ - trung đại trên các lĩnh vực: + Chữ viết + Văn học, nghệ thuật: Văn học, nghệ thuật (kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc) + Sử học	**6TN**			

			+ Khoa học tự nhiên,y học, thiên văn học, lịch pháp: Toán học, thiên văn học và lịch pháp, y học, các phát minh kĩ thuật. + Tư tưởng, tôn giáo: Các thuyết âm dương, Bát quái, Ngũ hành, Nho gia, Pháp gia, Mặc gia, Đạo gia và Đạo giáo, Phật giáo. - Trình bày được ý nghĩa của thành tựu văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.				
		4. Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại	**Nhận biết** - Trình bày được thành tựu văn minh tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại trên các l, ĩnh vực: + Chữ viết và văn học: Chữ viết, văn học + Nghệ thuật: Kiến trúc, điêu khắc + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học, Toán học, Vật lí, Hoá học, Y học + Tôn giáo và tư tưởng: Tôn giáo, triết học, tư tưởng - Nêu được ý nghĩa của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại.	**2TN**			
			Thông hiểu - Hiểu được ý nghĩa, vai trò của những		**0.5TL**		

			thành tựu văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại trên các lĩnh vực: + Chữ viết và văn học: Chữ viết, văn học + Nghệ thuật: Kiến trúc, điêu khắc + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học, Toán học, Vật lí, Hoá học, Y học + Tôn giáo và tư tưởng: Tôn giáo, triết học, tư tưởng.				
			Vận dụng - Giá trị, sự ảnh hưởng của những thành tựu văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại đến các quốc gia khác trên thế giới.				**0.5TL**
		5. Văn minh Hy Lạp và La Mã thời cổ đại	**Nhận biết** - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp và La Mã thời cổ đại trên các lĩnh vực: + Chữ viết + Văn học + Nghệ thuật + Thiên văn học, lịch pháp + Khoa học tự nhiên + Tư tưởng, tôn giáo	**2TN**			

			+ Thể thao - Trình bày được ý nghĩa của những thành tựu văn minh Hi Lạp – La Mã thời cổ đại.				
			Thông hiểu - Hiểu được và giải thích được ý nghĩa, sự ảnh hưởng của văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại đối với nền văn hóa châu Âu hiện đại trên các lĩnh vực: + Chữ viết + Văn học + Nghệ thuật + Thiên văn học, lịch pháp + Khoa học tự nhiên + Tư tưởng, tôn giáo + Thể thao		**1TL**		
		6. Văn minh thời phục hưng	**Nhận biết** - Biết được khái niệm văn minh phục hưng. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh thời phục hưng trên các lĩnh vực: + Tư tưởng + Văn học	**4TN**			

			+ Nghệ thuật + Khoa học, kĩ thuật, thiên văn học - Trình bày được ý nghĩa của văn minh thời phục hưng.				
Tổng				**16**	**2.5**	**1**	**0.5**

Lưu ý:

– Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

– Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

– Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu * cho trường hợp (hoặc).